

LƯƠNG - VĂN - CÁN

ĐẠI-VIỆT

ĐỊA-DƯ

CA LỤC BAT

IN LẦN THỨ NHẤT

1925

In tại nhà in Nghiêm-Hàm
H A N O I

ĐẠI-VIỆT ĐỊA DƯ



SÁCH CỦA SOẠN-GIẢ ĐÃ XUẤT BẢN :
LƯƠNG ÔN-NHƯ GIA-HUẤN

ẤU-HỌC TÙNG-ĐÀM

ĐẠI-VIỆT ĐỊA-DƯ



ĐANG IN :
KIM-CỔ CÁCH-NGÔN

LƯƠNG - VĂN - CÁN

ĐẠI-VIỆT

ĐỊA-DƯ

CA LỤC BÁT

1925

In tại nhà in Nghiêm-Hàm

HANOI

Tác-giả là người Bắc-Kỳ cho nên địa-dư Bắc-Kỳ diễn ra được hơi lờng lộn, còn như Trung, Nam, hai kỳ chưa kịp điều tra, chỉ lược lược diễn qua ; xin độc-giả lượng thứ cho.

MỤC LỤC CÁC TỈNH

BẮC-KỲ

23 tỉnh, 3 đạo, 2 thành-phố.

Tỉnh: Hà-Đông — Lao-Kay — Yên-Báy — Lạng-Sơn — Thái-Nguyên — Tuyên-Quang — Sơn-La — Hòa-Bình — Hưng-Hóa tức Phú-Thọ — Sơn-Tây — Vĩnh-An — Phúc-An — Bắc-Ninh — Bắc-Giang — Quảng-Yên — Kiến-An — Hải-Dương — Thái-Bình — Hưng-Yên — Hà-Nam — Nam-Định — Ninh-Bình — Bắc-Kạn.

Đạo: Hà-Giang — Cao-Bắc — Hải-Ninh.

Thành phố: Hanoi — Hải-Phòng

TRUNG-KỲ

12 tỉnh, 1 thành-phố

Tỉnh: Thanh-Hóa — Nghệ-An — Hà-Tĩnh — Quảng-Bình — Quảng-Trị — Thừa-Thiên tức Thuận-Hóa —

Quảng-Nam — Quảng-Ngãi — Bình-Định — Phú-Yên — Khánh-Hòa — Bình-Thuận.

Thành phố: Tourane

NAM-KY

6 tỉnh cũ, bây giờ chia làm 21 tỉnh, 2 thành phố.

Tỉnh : Biên-Hòa — Gia-Định — Vĩnh-Long — Định-Trường — An-Giang — Hà-Tiên — (6 tỉnh cũ)

Tỉnh mới : Baria — Tây-Ninh — Tân-An — Thủ-Đầu-Một — Gò Công — Mỹ Tho — Sadec — Long-Xuyên — Châu-Đốc — Rachgia — Cần Thơ — Bến Tre — Trà-Vinh — Sóc-Trăng — Bắc-Liêu.

Thành phố : Saigon — Chợ-Lớn



MẤY CÂU CA TOÀN THỂ CẢ NƯỚC

ĐẠI-VIỆT ĐỊA DƯ

MẤY CÂU CA TOÀN THỂ CẢ NƯỚC

Nước ta hình thể bốn phương,
Ba mươi vạn lễ dậm vương quy vào.
Bắc thời giáp đất nước Tàu,
Đông, Nam, giáp bể, Tây, Lào với Man.
Cử trong các tỉnh mà hàn,
Bắc hai mươi ba giang san chuyên thành.
Đòi nơi thành-phố đã đành,
Lại thêm ba đạo ở vành xa kia,
Núi Phan-Păng 1 nhất Bắc-Kỳ,
Hơn ba nghìn thước đầu bì được cao.

(1) Núi này chính tên gọi là Fan-Si-Pan.

Tân-Viên, Tam-Đảo thế nào,
Ngoài một nghìn thước cũng vào bọc hơn.
Biết bao các ngả sông con,
Thái-Bình, Nhị-Thủy đại xuyên hai giòng.
Trung-Kỳ thành-phố một vùng,
Mười hai tỉnh lý ở cùng cong cong.
Mã-giang giải nhất các sông,
Linh-giang thời rộng và cùng Lam-giang.
Tam-phong ở đất Nha-Trang,
Đo ra mới biết núi càng là cao.
Đến như duyên-cách thế nào,
Diễn ra từng tỉnh chép vào nhời ca.
Trong Nam các tỉnh đặt ra,
Đời vua Minh-Mệnh mười ba dò mả. ¹
Còn như các tỉnh Bắc-hà,
Chừng năm thập nhị ấy là kỷ-niên.
Dầu rằng thành quách biến thiên,
Vẫn là Hồng-Lạc dõi truyền đến nay.
Rõ ràng tổ-quốc là đây,
Người ta nên biết sự này trước tiên.



(1) Năm Minh-Mệnh thứ mười hai đặt tên các tỉnh xứ Bắc-Kỳ, năm thứ mười ba đặt tên các tỉnh xứ Nam-Kỳ.

CA TỪNG TỈNH MỘT XỨ BẮC-KỲ

CA TÙNG TỈNH MỘT XỨ BẮC KỲ

THÀNH PHỐ HANOI

Hà-Thành xưa gọi Long-Biên,
Thăng-Long từ Lý Thuận-Thiên 1, đó mà
Sơn-Nam, Thượng-Trấn 2 đổi ra,
Sau rằng Hà-Nội 3, cũng là đây thôi.
Đến năm Đồng-Khánh thứ hai,
Đem làm nhượng-địa chia nơi thị thành.
Nhường trong thành-phố đã dành,
Còn nơi Văn-Miếu riêng dành của ta 4.
Bảo hộ nghị định đặt ra,
Bao la thành phố huyện là Hoàn-Long 5

(1) Thuận-Thiên là niên hiệu vua Lý Thái-Tổ.

(2) Sơn-Nam, Thượng-Trấn là tên trấn đời nhà Lê.

(3) Hanoi là tên tỉnh đời Nguyễn đặt.

(4) Lúc mà nhượng thành phố cho Pháp thì có cái ước rằng : Văn-Miếu là chỗ thờ đức Khổng-Tử, là cái gốc văn hóa của nước Nam, thì cái đất Văn-Miếu để riêng cho quan tỉnh, xuân thu đến tế, không về Đại-Pháp.

(5) Hoàn-Long : Trong thành phố Hanoi ngày xưa gọi là huyện Thọ-Xương, huyện Vĩnh-Thuận, tự ngày nhượng địa mới lấy các phố gọi là thành-phố mà các làng chung quanh ngoài gọi là huyện Hoàn-Long.

Đu-Me cầu sắt qua sông,
Tượng đồng thuộc-quốc đứng trong Bắc-thành.
Hồ Tây (hồ) Trấn-Bắc (chùa) có danh,
Đã tượng Trấn-Võ lại định Toàn-Quyền.
Ngọc-Sơn, Kiếm-Thủy cũng liền;
Vua Lê chỉ kiếm trước đền Nam-Hương.
Tượng Bòn-Be cũng lạ nường,
Lại nhiều tòa sở và hàng dương trang.
Bách-công nam nữ học-đường,
Bác-cổ, Đấu-xảo, Nông-tràng, Điện-xa.
Đồn-thủy, Thương-chính, các nha,
Miếu ông Trung-Liệt, đền bà Trung-Vương
Hội-dồng 1, Bạch-Mã 2, Linh-Lang 3,
Cổ-Lê 4, Phúc, Việt 5, Tây-Tàng 6 hữu danh.
Chín mươi sáu phố chung quanh,
Thêm Thái-Hà-ấp, Dục-Anh 7, chợ Dừa.
Tang-thương biến cải bao giờ,
Nùng-Sơn, Nhi-Thủy trơ trơ đến rầy.
Hỏa-xa bốn lối đặt bày,
Vào trong Bến-Thủy ra ngoài Nam-Quan.

(1) Hội đồng là đền thờ các bách thần.

(2) Bạch-Mã là đền thờ ông thần Long-Đổ.

(3) Linh-Lang là đền thờ ông Linh-Lang tục gọi đền Voi-Phục.

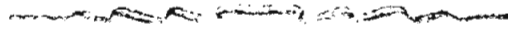
(4) Cổ-Lê là đền thờ các quan tiết nghĩa đời nhà Lê.

(5) Phúc-Kiến, Việt-Đông là hai hội quán của người Tàu.

(6) Tây-Tàng là chùa của Tây đen.

(7) Dục-Anh là nhà nuôi trẻ con ở Ò chợ Dừa.

Đem hai đường nữa mà bán,
Xuống Hải-Phòng với lên miền Lao-Kay.
Sau này các tỉnh mọi nơi,
Tinh ki-lô-mét mà coi cho tường.



TỈNH HÀ-ĐÔNG

Hà-Đông riêng ở một phương,
Ki-lô mười một kẻ đường gần ghê.
Từ-Liên (*huyện*), Hoài-Đức (*phủ*) liền kề,
Còn như Đan-Phượng (*huyện*) trước về
Quốc-Uy (*phủ*).
Phú-xuyên (*huyện*) Thường-Tín (*phủ*) ¹ Thanh-
Trì, (*huyện, thuộc Sơn-tây*)
Ứng-Hòa (*phủ*) Sơn-Lãng (*huyện*) ² nữa thì
Thanh-Oai.
Mỹ-Đức (*phủ*) kiêm An-Đức (*huyện*) kia,
Lại còn Trương-Mỹ (*huyện*) chi chi đó mà.

(1) Thường-Tín kiêm lỵ huyện Thượng-Phúc với Phú-Xuyên, Thanh-Trì.

(2) Ứng-Hoà gọi là Phủ Đình, kiêm lỵ hai huyện ấy.

Lĩnh, the, Bưởi, Phúc, Mỗ, La (*làng làm cử*).
 Tơ Bùng, lụa Giá, nữa là vải Canh. (*3 làng làm tơ
 lụa vải có tiếng*)

Làng Quang trái vải ngon lành,
 Cốm thơm Dịch-Vọng (*làng*) đã rành nổi danh.

Ghép lông đan chữ Phú-Vinh, (*làng*).
 Sả-cừ (*làng Chuôn*) nón-lá (*làng Vành*) ra hình
 khéo thay.

Nhị-Khê (*làng*) thợ tiện đầu tày,
 Thợ thêu Tam-Xá (*làng*) võng này Võ-Lăng (*làng*).

Đồ sơn Hà-Vĩ (*làng*) thực rằng,
 Cống (*làng*) nề, Chiếc (*làng*) mộc, sao bằng Mậu-
 Lương (*làng*).

Núi thì Tiên, Tuyết, chùa Hương,
 Sông Tô, Nhị, Nhuệ khác nhường Kim-Ngưu
 (*sông*).

ĐẠO HÀ-GIANG

Hà-Giang một đạo kẻ đầu,
Ba trăm mười bảy một mẫu lâm loan.
Trước về ba đạo binh quan,
Thành-Thái thập bát văn-quan thay quyền.
Vĩnh-Điện, Đề-Định, Tương-An, (ba phủ).
Bạc, vàng, thiếc, sắt, ở miền núi kia.
Giới bìa Đồ-Úm (sông) phân chia,
Tụ-Long (đất) hai mỏ mất về nước Thanh.
Sông Ngâm, sông Chầy rạo quanh,
Đến Đoan-Hùng phủ hợp ngành sông Lô.
Bảo-Lạc cũng một đất to,
Núi hoang rừng rậm tit mù viễn biên.
Bắc-Quang (đất) với huyện Vị-Xuyên,
An-Minh tổng mới và miền Đông-Ninh.
Tụ-Nhân tổng ở một mình,
Thụ-Bờ (đất) đại-lý có dinh đó mà.

Mỏ vàng, thiếc, bạc, thực là,
Sòng Chòi, sòng Chầy lại hòa sòng Sanh.
Phát nguyên cùng ở Đại-Thanh,
Hợp về cạnh tỉnh chảy quanh bên ngoài.

ĐẠO CAO-BẰNG

Cao-Bằng ai biết chẳng ai,
Hai trăm tám chục lại hai dặm trường.
Quảng-Uyên, Thượng-Lương, Hạ-Lương, (*ba*
châu).
Phủ thời Trưng-Khánh một phương kia mà.
Nguyên-Bình, Hà-Quảng, Phục-Hòa, (*ba huyện*).
Thạch-Lâm, Thạch-An (*hai huyện*), phủ là Hòa-An.
Mỏ vàng, bạc, thiếc, chan chan.
Diêm tiêu mỏ ấy về ngàn Mai-Lăng (*dắt*).
Dựa thông, lè tiến dã hăng.
Hai giòng nước chảy Hiến, Bằng (*hai sông*) hợp lưu.
Kỳ-Sầm (*núi*) nổi tiếng nghìn thu,
Miếu Tam Trung-liệt, núi vua Nga-hoàng.
Chuông đồng Sùng-Phúc (*chùa*) tiếng vang,
Có văn bia soạn lại càng lạ thay.



TỈNH LAO-KAY

Lao-Kay mới đặt tỉnh nay,
Ba trăm mười tám đường này cũng xa.
Phong-Thu, Cốc-Lếu, Ba-Kha (*ba đất*),
Có quan đại-lý ba tòa trước sau.
Chiêu-Tấn châu, Thủy-Vĩ châu,
Còn như Bảo-Thắng (*đất*) ở đâu kia mà,
Thồ-nghi có phạn-hậu trà, ¹
Xa-nhân, cánh-kiến, cùng là cao-su.
Lão-Quản (*núi*) cao ngất tít mù,
Sông thời Nhị-thủy thượng lưu rành rành.
Nhiệt-Toàn suối rạo bên thành,
Năm-Thị (*đầm*) nước độc, địa hình nên linh.

————— ❦ —————

(1) Phạn hậu trà tức là trè mạn.

TỈNH YÊN-BÁY

Yên-Báy trăm bốn mươi linh,
Thành-Thái mười bảy quan binh nhường quyền.
Văn-Bàn, Văn-Trấn, Trấn-Yên (*ba châu*),
Tu-Lê, Nghĩa-Lộ, cùng liên Bảo-Hà (*ba đồn*).
Thạch-lưu, thảo quả, phạn trà,
Hoàng thảo, cánh-kiến, cùng là mỏ than.

ĐẠO HẢI-NINH

Hải-Ninh, Mông-Cài một lâu,
Hai trăm bốn chục ở miền hải loan.
Nước Tàu giáp ở một bên,
Thuộc về ba đạo võ-quan trị quyền.
Mang-Nhai (đất), Hà-Cối, Tiên-Yên, (huyện),
Hạt chai, vân-mẫu, long-diên, đồi-mồi.
Bà Trẻ (núi) Mậu-Tử thôi ngôi,
Mỏ than, trè đỏ, nhất thời Hon-Gay.

TỈNH LẠNG-SƠN

Lạng-Sơn trăm tám dặm giải,
Lạc-Long đất cũ đổ ai biết tượng.
Đời Trần là lộ Lạng-giang,
Lạng-Sơn, Minh-Mệnh một phương duyên-thành.
Từ năm mười lại bầy linh,
Chín châu thu lại phân minh trong ngoài.
Phủ thời chỉ có một đôi,
Gọi là (Tràng) Khánh, (Tràng) Định, đầu hai chữ
[Tràng.
Bình-Gia (đất) về Thất-Kê (huyện) phương,
Lộc-Bình (châu) Thoát-Lãng (châu) một đường
[Văn-Uyên (châu).
Đồng-Đăng (phố) gần cửa Nam-quan,
Cò đèn Giáp-Hải tiếng thơm phủ bình.

Quỷ-môn ¹ chuyện cũ còn danh,
Núi Cùg chót vót trong thành Lạng-Sơn.
Bắc-Sơn (núi) Phùng-Mạc (núi) tương liên,
Đã nơi Cao-Lộc (châu) lại miền Ôn-châu (châu).
Mỏ đồng, mỏ bạc ở đâu,
Diêm tiêu mỏ ấy địa đầu Mai-Sao (đất).
Bông, gai, thuốc lá, lê, đào,
Hoàng-dân, khô thảo, tửu hào lạ ghê.
Thồ-oa, Lương-mã, Lôi kê,
Trầm-hương, mộc-nhĩ, lại nghề hồi-du.
Núi thì Công-Mẫu, Vọng-Phu,
Nhị Tam-Thanh ² (chùa) động nghìn thu giới
truyền.
Kỳ-lừa (phố) trên có ác toản,
Sông Cùg chảy ngược về miền Đại-Thanh.

(1) Quỷ-môn : nghĩa là Lạng-Sơn có cửa Quỷ-môn, mà
thiên nước độc, ai đến cũng chết. Tục ngữ rằng : « Quỷ-
môn quan, Quỷ-môn quan, thập nhân khứ, nhất nhân hoàn. »

(2) Nhị Tam-Thanh động : nghĩa là ông Ngô-thời-Sĩ làm
quan tỉnh Lạng, làm chùa Nhị-Thanh, Tam-Thanh, cảnh chí
vui lắm, nhiều người thích đến xem.

TỈNH BẮC-KẠN

Kia như Bắc-Kạn tỉnh thành,
Trăm năm mười một rành rành ai quên.
Trước là đạo thuộc Thái-Nguyên,
Nay là một tỉnh về quyền văn-quan.
Na-Di (đất) Chợ Rã (đất) Ngân-San (núi),
Thổ xâm, nhưng, quế, về ngàn Bạch-Thông (huyện).
Châu-Ngân mỏ bạc đủ dùng,
Linh-Quang (núi) Ba-Bề (hồ) lạ lòng lắm thay.
Côn-Lôn (núi) cảnh vật sơn bầy,
Cà-Lồ (sông) hợp một chảy ngay Lục-Đầu (sông).



TỈNH THÁI-NGUYỄN

Thái-Nguyên rừng núi một mầu,
Sáu mươi sáu dặm ai hầu biết chẳng.
Xưa kia Âu-Lạc gọi rằng,
Thuộc về Kinh-Bắc độ chừng Gia-Long.
Phủ-Bình (*phủ*) kiêm lỵ Tư-Nòng (*huyện*),
Thổ-An (*phủ*) Động-Hỷ (*huyện*) lại cùng
[Võ-Nhai (*huyện*).
Phủ Thông-Hóa ở một nơi,
Đại-Từ, Văn-Lãng bên ngoài Phủ-Lương (*ba huyện*)
Còn châu Định-Hóa kể tường,
Kẽm, đồng, vàng, bạc, chè thường tòng viên 1.
Vụ-Nông (*đất*) mở thiết trong nguồn,
Đề-giang nước nặng, Độc-Tòn núi giải.

(1) Chè thường tòng viên là chè hột.

TỈNH TUYỀN-QUANG

Tuyên-Quang trăm sáu trong ngoài,
Hà-Dương, Bảo-Lạc, chia hai đạo đồn.
Cũ còn hai phủ huyện tròn,
Yên-Bình (*phủ*) là một, nữa còn Vĩnh-Tuy (*huyện*).
Lục-Yên (*đất*) Chiêm-Hóa (*đất*) chỉ chi,
Sơn-Dương (*huyện*) ấy nữa còn thì Hàm-Yên
(*huyện*).
Cũ về Hưng-Hóa một miền,
Nay đem cả thuộc về Tuyên-Quang thành.
Ô-Duyên (*kẽm*) mở ở An-Ninh (*đất*),
Lục-Yên (*đất*) đồng khoáng rành rành thồ-nghi.
Sa-nhân, mộc-nhi thiếu chi,
Trầm hương đã sẵn nữa thì mật ong.
Sông Ngâm sông Chảy quanh vòng,
Đến Đoan-Hùng phủ hợp cùng sông Xanh.

TỈNH SƠN-LA

Sơn-La, Vạn-Vũ cựu danh,
Hai trăm năm chục đất rành rộng thay.
Kìa châu Thuận-Giáo đầu tây,
Thuận, Yên, Luân, Mộc (bốn châu) nữa này Mai-
[Sau
Phú-Yên rồi đến Vạn-An,
Châu Lai, phủ Điện, lại bàn Quỳnh-Nhai (huyện)
Mỏ vàng cũng có một hai,
Cao-su, cánh kiến, với loài quả nâu.
Sông Đen nguyên tự Lai-châu,
Động-Đình núi nhón ở đầu châu An.

TỈNH HÒA-BÌNH

Tỉnh Bờ cũng ở một miền,
Hai trăm mười lẻ nên bàn cho tỉnh.
 Phương-Lâm sau đổi Hòa-Bình,
Sáu châu thống hạt rành rành chẳng sai.
 Kỳ-Sơn, Đà-Bắc, châu Mai (*ba châu*),
Lạc-sơn, Lạc-Thủy ở ngoài Lũng-An (*ba châu*).
 Mai-châu vàng bạc vô vàn,
Núi vua Đinh-để lại ngàn Bà-Nam. (*núi*)
 Chợ Bờ năm sắc đá vàng.
Có giòng suối thác có đường suối sương.
 Xa-nhân, ý-dĩ đã thường,
Bạch-nghĩ, 1 thảo-quả về đường sông Đen.



(1) Bạch nghĩ là loài kiến trắng.

TỈNH PHÚ-THỌ

Tỉnh Hưng, Phú-Thọ đổi tên,
Chín mươi chín dặm cũng nên biết tường.
Xưa thời là nước Văn-Lang,
Đà-giang chia lộ Lý sang đến Trần.
Kể từ các lĩnh chưa phân,
Lào-Kay, Yên-Báy, là phần đất đây.
Sơn-La tỉnh ấy cũng vậy,
Hòa-Bình cũng bởi xứ này chia ra.
Lâm-Thao phủ hạt Thanh-Ba (*huyện*).
Cầm-Khe, Yên-Lập, Hạ-Hòa, Tam-Nông (*4 huyện*).
Hạc-Trì (*huyện*) với phủ Đoan-Hùng,
Thanh-Sơn, Thanh-Thủy lại cùng Phú-Ninh (*ba*
[huyện]).
Cổ-tích có thành Dương-Kinh, (*nhà Mạc*)
Có kinh Triệu-Vũ, có dinh Đồn-Vàng.
Rừng Trè, hồ Nhiêu, Thao-giang,
Thủy-du, cam mật, lại càng tốt thay.

Ao-Tiên, thành-Cả khắp đầy,
Chó-treo, Mèo-nước núi này khó trông.
Thao, Đà tả hữu hai sông,
Lão-Quân, Nghĩa-Lĩnh lại cùng Hùng-Vương
[(ba núi).
Còn như Cao-Sát, Cao-Hoàng (hai núi),
Bấy nhiêu quả núi rõ ràng có danh.



TỈNH SƠN-TÂY

Sơn-Tây bốn chục hai linh,
Phong-Châu là lộ từ Đình kể gì.
Quảng-Uy, Tam-Đái, 1 Quốc-Uy (*ba phủ*),
Trần chia ba lộ xưa kia rành rành.
Sơn-Tây, Hồng-Đức cải danh,
Tiên-Phong (*huyện*) thống nhiếp vào thành
[Quảng-Uy (*pủ*).
Tùng-Thiện, Phúc-Thọ (*hai huyện*) kia kia,
Còn như Bất-Bạt (*huyện*) nữa thì làm sao,
Phủ gì Thạch-Thất (*huyện*) thuộc vào.
An-Sơn (*huyện*) kiêm lý ấy vào Quốc-Uy (*pủ*).
Cây bừa Canh-Nậu (*làng*) dâu bì,
Rút mây đục đá ấy thì khéo thay.
Mía Chè Lưỡng-Quán (*làng*) ai tầy,
Vải thừa kể Nậu (*làng*) lụa đầy Cổ-Đô (*làng*).

(1) Tam-Đái tức là phủ Vĩnh-Tường bây giờ.

Tầm dâu và lại lúa ngô,
Mô đồng dâu đó ở gò Thanh-Vân (làng).
Tản-Viên cao ngút tuyết trần,
Đường-Lâm (đất) Bồ-Cái (vua) siêng quần có danh.
Trung-Vương miếu hát uy linh.
Núi thời Tiên-Tích (núi) lại rành Lậu-Sơn (núi).
Tử-Trầm, Hoàng-Sá (núi) dâu hơn,
Dơi vàng trong động chập chờn biết bao.
Hát-giang nguồn bởi sông Thao.
Hợp cùng thủy khẩu chảy vào Kim-Sơn (huyện).



TỈNH VĨNH-AN

Năm mươi năm dặm Vĩnh-An,
Tả hà sáu huyện thuộc miền Tích-Sơn. (1)
Đặt từ Thành-Thái niên gian.
Huyện thời An-Lạc xa ngàn Tam-Dương (hai
| huyện).

Bạch-Hạc (huyện) là phủ Vĩnh-Tường,
Bình-Xuyên, Lập-Thạch (hai huyện) tương đương
[khác nào.

Hạc-Giang, Anh-Vũ (cá) ngon sao,
Hun nổi, nặn chỉnh thời nào Hương-Canh (làng).
Núi cao Tam-Đảo hữu danh,
Sông Xanh, sông Đáy hai ngành giao lưu.

(1) Tỉnh lỵ ở làng Tích-Sơn.

TỈNH PHÚC-AN

Phúc-An bốn chục gần nhau,
Từ năm Thành-Thái bấy lâu chuyên thành,
Phủ Đa-Phúc, huyện Kim-Anh,
Đông-Anh, Yên-Lãng, Vĩnh-Ninh năm thành.
Cổ-Loa (thành) và núi Vệ-Linh,
Cấm-Kê ¹ hiển-tích phương danh rành rành.
Long-Đàm cá tốt có danh,
Cà-Lồ, Nhật-Đức ² chảy quanh chốn này.

(1) Cấm-Kê là chỗ bà Trưng hiển thánh,

(2) Sông Nhật-Đức tục gọi là sông Cầu.

TỈNH BẮC-NINH

Bắc-Ninh hai sáu gần thay,
Vũ-Ninh tên ấy tự ngày Hùng-Vương.
Lý, Trần, là lộ Bắc-Giang,
Đổi làm Kinh-Bắc, Lê Quang-Thuận này.

Bắc-Ninh tên gọi lâu nay,
Từ đời Minh-Mệnh năm rầy thứ ba.
Từ-Sơn (phủ) Đông-Ngàn cùng là,
Quế-Dương (huyện) đã vậy lại và Tiên-Do (huyện).
Yên-Phong đất cũng cao sru,
Võ-Giang (huyện) sở tại dân trừ bằng hai.
Gia-Bình (huyện) rồi đến Lang-Tài (huyện).
Phủ kiêm Siêu-Loại (huyện) ấy nơi Thuận-Thành.
Gia-Lâm phân phủ đã đành,
Giang, Lâm hai huyện (1) ở vành Nhị-giang.
Phù-Đổng (làng) có miếu Thiên-vương.

(1) Hai huyện Văn-Giang và Văn-Lân.



Siêu-Loại huyện có Sĩ-vương Khỏa-thành,
Rừng Báng vua Lý hiển danh,
Chuông đồng ông Khổng ở gần thành Phao,
Vạn-Vàn (làng) nước mắt ngon sao.
Đúc đồng Đại-Bái (làng) nghề nào cũng tinh.
Sại Nội-Duệ, rượu Trùng-Minh (làng),
Thổ-Hà (làng) đúc khéo, Ứng-Thành (làng) trạm hay.
Sơn, duộm, Đình-Bảng (làng) đầu lầy,
Bạc vàng Cao-Kỵ (làng) sắt này Hội-Đa (làng).
Bút mực Tư-Thế (làng) kia là,
Bát-Tràng (làng) chén bát lại và vại cong.
Tiêu-Sơn, Thất-Riệu (2núi) Yên-Phong(huyện).
Lâm-Sơn, Phả-Lại gần sông Lục-Đầu,
Gia-Bình (huyện) Đông-Cứu (núi) ở đâu,
Lạn-Kha núi ấy địa đầu Tiên-Do.
Sông Cầu, sông Đuống, sông Râu,
Phát nguyên nghe cũng bởi đầu Nhị-Hà.



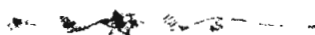
TỈNH BẮC-GIANG

Bắc-Giang bốn sáu chẳng xa,
Lạng-Thương phủ gọi trước là Bắc-Ninh.
Bao giờ phân thiết tỉnh danh,
Từ năm thứ bảy đời Thành-Thái ta,
Lạng-Giang (*phủ*) Phất-Lộc (*huyện*) cũng là.
Hữu-Lũng, Yên-Thế, Hợp-Hòa, Việt-Yên (4 *huyện*).
Lại qua Lục-Ngạn (*huyện*) một miền.
Lần sang Phượng-Nhãn (*huyện*) lại Yên-Dũng
(*huyện*) này.

Cà-phê cũng có nhiều cây,
Hạt dầu, chum, vại, xưa nay tiếng đồn.
Nham-Biên (*núi*) và lại núi Côn,
Thương, Cầu hai ngã sông con quanh thành.

TỈNH QUẢNG-YÊN

Quảng-Yên trăm lại tám linh,
Hải-Đông là lộ từ Đình đỏ mà.
An-Bang (*tỉnh*) An-Quảng (*tỉnh*) đôi ra,
Đến đời Minh-Mệnh gọi là Quảng-Yên.
An-Hưng (*huyện*) hơn nhất một miền,
Hoành-Bồ (*huyện*) Cát-Hải (*huyện*) tương liên đỏ mà.
Huyện An-Bác mới đặt ra,
Bỏ đi Vân Hải (*huyện*) cùng là Nghiêu-Phong (*huyện*),
Bạch-Đẳng, Đà-Bách hai sông,
Cái-Bầu (*đất*) than đá ở cùng một nơi.
Bông-thừa, bạch-tuộc, đôi mồi,
Biết bao hải-vị đủ mùi cao-lương.



THÀNH PHỐ HẢI-PHÒNG

Trăm linh hai dặm Hải-Phòng,
Đương đời Tự-Đức có phường sử-quân.
Đến khi Đồng-Khánh niên gian,
Đất là nhượng-địa Hải-Loan phụ đầu.
Chan chan trên phố dưới tàu,
Bán buôn ai cũng làm giàu đua nhau.
Thử trông phong cảnh một mầu,
So như Hanoi cũng đâu thế này.
Kiến-An tỉnh lý gần đây,
Một trăm mười lẻ ngày dầy đi luôn.
Thủy-Nguyên, Yên-Lão (*hai huyện*) một miền,
Đã qua Yên-Lãng (*huyện*) lại bàn An-Dương (*huyện*).
Kiến-Thụy phủ lý Nghi-Dương (*huyện*),
Hến, sò, muối cá, tàn-lang (*cau*) hải hàm (*nước mắt*).

Tiên-Lăng (*huyện*) duyên khoáng (*kê*) di cam,
Trung-Sơn (*núi*) thi thảo ¹ sâm nam ² tương truyền.

Nghi-Dương (*huyện*) Yên-Tử (*núi*) một miền,
Đá xanh, quế tốt tiếng khen đã nhiều.

Sông thời Yên-Lão (*huyện*) Cửu-Biều,
Bách-Đằng cửa bể ra chiều rộng thay.

Thủy-Nguyên (*huyện*) Hoàng-Phái (*núi*) đàn tày,
Liêu-Sơn (*núi*) gần đấy có đài tư-tiên,

Đèn khi sáng khắp hải-biên,
Hồ-Sơn nhà tắm hoa-viên tiếng lừng.

Phan-Sơn, Thượng, Vụ (*ba núi*) mấy từng.
Ở vùng Yên-Lão lại chừng là tôn.

Khinh-Giao (*làng*) thượng quận tiếng đồn
Năm hồ, bảy miếu hãy còn đến nay.

Phi-Liệt các núi liền ngay,
Danh-lam, cổ-tháp ngày rầy dấu hơn.



¹ Thi thảo : là cỏ đề hoi

² Sâm nam : là sâm để uống

TỈNH HẢI-DƯƠNG

Hải-Dương là trấn hải-môn,
Năm mươi năm dậm há khôn biết tường.
 Hong-Châu (phủ) Nam-Sách (phủ) các đờng,
Hậu Lê mới gọi Hải-Dương đạo này.
 Từ đời Tự-Đức những ngày,
Chích ra mấy huyện đặt ngay Hải-Phòng.
 Bình-Giang là phủ Thượng-Hồng,
Năng-An(huyện) kiêm lý lại cùng Cẩm-Giang, (huyện)
 Hạ-Hồng là phủ Ninh-Giang,
Huyện kiêm Vĩnh-Lại rồi sang Tứ Kỳ.
 Vĩnh-Bảo, Gia-Lộc huyện kia,
Cả như Thanh-Miêu lệ tùy phủ Ninh.
 Thanh-Làm (huyện) Nam-Sách phủ thành,
Thanh-Hà bên ấy, Chí-Linh (2 huyện) bên này.
 Kinh-Môn phủ, Giáp-Sơn đây, (huyện)
Đông-Trào (huyện) ngang với bên nơi kinh thành

Dược-Sơn đến Kiếp rất linh,
Hai hồi cứu nước hách danh muôn đời,
Phả-Lại đồn chợ cũng vui,
Trước đền ông Không tên nơi bầy chùa.
Rươi, cam, cau, thuốc, gạo, ngô,
Ở trong bốn phủ bán mua cũng nhiều.
Đổi than mấy xã Đông-Triều (*huyện*),
Mao-Điền (*làng*) dệt vải ra chiều khéo thay.
Chúc-Lâm (*làng*) nghề nghiệp làm giấy,
(Chạm thời Nhị-Liên (*làng*) ruộm thời Đan-Loan
(*làng*)).
Phượng-Hoàng rây núi một ngàn,
Đông-Triều (*huyện*) Đạm-Thủy (*sông*) Đồn-sơn,
Lục-dầu.
Kinh thiên An-Phụ (*núi*) ở đâu,
Lại còn Kinh-Chủ, Quán-Châu (2 *núi*) cũng là.
Thái-Bình (*sông*) sáu ngọn nước xa,
Lâu-Kê (*sông*) hàn thủy chia ra các ngành.
Thủ-Chân, Thiệu-Mỹ (*hai cửa bể*) rành rành,
Bến ra Văn-Úc bên quanh Thái-Bình.
Sông Chanh khuấy khúc hữu tình,
Nhị-Hà, Nghĩa-Chụ hai ngành giao lưu.

TỈNH THÁI-BÌNH

Thái-Bình trăm dặm ở đâu,
Kiến-Xương (*phủ*) đặt lộ từ lâu bao giờ,
Tiên-Hung là Tân-Hung (*phủ*) xưa,
An-Tiêm lộ ấy bấy giờ Đông-Quan (*huyện*).
Đến kỳ Thành-Thái niên giâu,
Xẻ Nam, Hưng tỉnh đặt quan chuyên thành.
Thái-Bình phủ đổi Thái-Ninh (*phủ*),
Đông-Quan, Phụ-Dực, lại Quỳnh-Côi kia (*ba huyện*),
Thụy-Anh (*huyện*) mặt bể gần kề,
Tiên-Hung phủ ly Thần-Kê (*huyện*) kia là.
Hưng-Nhân (*huyện*) rồi đến Duyên-Hà (*huyện*),
Lại kiêm Chưc-Định (*ba huyện*) phủ là Kiến-Xương.
Thanh-Quan, Tiền-Hải (*hai huyện*) tương đương,
Vô-Tiên đất cũng một phương Thư-Trì (*hai huyện*).

Rươi, cau ấy thực thảo nghi
Lạ thì Nguyễn-Xá (làng) là thì Động-Trung (làng),
Chiếu hoa kẻ Hời (làng) lạ lùng,
Vải thắm khéo duộm là vùng Thanh-Quan (huyện),
Thuốc lão Bách-Tĩnh (làng) chan chan
Trắng lòng hương-phụ ở miền Trà-Phương (làng),
Hộ-giang (sông) nguyên tự Thanh-Hương (đất)
Đồ xuôi Ba-Lạt (cửa bể) thuận đường ra khơi,
Nông-Giang (sông) ngọn nước nửa vơi,
Tam-Côn (làng) Bình-Cách (làng) các nơi một dòng.
Hợp ra Trà-Lý (cửa bể) cuối sông,
Cốc-giang chốn ấy chảy thông các đường.



TỈNH HƯNG-YÊN

Hưng-Yên sáu một đạo Đẳng,
Trần cho Nguyễn-Khoái nhân rằng Khoái-Châu.
Sơn-Nam đặt trấn từ dân,
Chính đời Quang-Thuận Lê sau đó mà.
Mười hai năm Minh-Mệnh ta,
Sẽ trong hai trấn đặt là Hưng-Yên.
Đến năm Thành-Thái lục niên,
Lấy Tiên-Hưng phủ đề bên Thái-Bình.
Mấy nơi dòng, bắc, chung quanh,
Lại đem cải lệ vào thành Hưng-Yên.
Khoái-Châu phủ lý Đông-Yên (*huyện*),
Qua Kim-Động (*huyện*) ấy đến Tiên-Lữ (*huyện*) này.
Phù-Cừ huyện cũng gần đây,
Ân-Thị huyện ấy xưa rầy Phù-Ân (*huyện*).
Mỹ-Hào phủ đại-lý Bần (*làng*),
Đường-Hào huyện cũ về phần Hải-Dương.

Huyện An-Mỹ ở Sài-Trang (làng),
Vầu-Lâm (huyện) đất bắc sáp sang những ngày.
Mộ-Trạch (làng) Phù-Ứng (làng) tốt thay,
Võ, văn, công, nghiệp tiếng hay đến rầy.
Lúa ngô, long-nhơn nhiều thay,
Quạt lông, quạt Hới, ấy này khéo sao.
Hòa-Lan (đậu) thạch giải, đầu nào,
Tây qua, hương phụ Đình-Cao (làng) tiếng đồn.
Nhị-Hà đồ xuống Luộc-Môn,
Chia ra Tiên-Lữ (huyện) chảy rờn Tiệt-giang (sông).
Sông Nghĩa-Chụ ở Bắc sang.
Đặng-Hòa (tên một ông tuần phủ) đào Cửu-An giang
tỉnh này.

TỈNH HÀ-NAM

Hà-Nam sáu chục năm cây,
Thuộc về Hà-Nội những ngày xưa kia.
Tỉnh từ Thành-Thái mới chia,
Lý-Nhàn phủ lý kia kia Nam-Sương.
Huyện thì Kim-Bảng một phương,
Thanh-Liêm, Bình-Lạc (hai huyện) cùng đường Duy-
Tiên (huyện).
Thợ may, thợ khảm tay quen,
Quyền-Sơn, thi-thảo tương truyền đã lâu.
Nam-Công núi cạnh sông Châu,
Cảnh-Sơn, Kẽm-Trống (2 núi) cũng đầu huyện này.
Cửa chôn Thiên-Kiện (1) (núi) lăm thay,
Lão-Sơn, Đồi, Đệ (3 núi) ấy này cảnh vui.
Đạo-dường Sở-Kiến (đất) ngắt giới,
Gia-Tô giảng đạo dạy người ta theo.
Còn như giang-đạo đầu nào,
Hát-Môn, Nhị-Thủy (2 sông) hợp vào sông Châu.

1. Cửa chôn Thiên-Kiến. Nghĩa là đời nhà Trần sợ Chiêm-
Thành an cướp đem cửa chôn vào núi Thiên-Kiến.

TỈNH NAM-ĐỊNH

Tỉnh Nam chín tám ở dân,
Huyện là Nam-Định, Tấn sau đến Đường.
Hoàng-Giang và lộ Thiên-Tràng,
Trần chia hai lộ phân cương chuyên thành.
Sơn-Nam từ Cảnh-Hưng danh,
Trần là Nam-Định đời Minh-Mệnh này.
Sáu năm Thành-Thái những ngày,
Trích ra mấy huyện đặt ngay Thái-Bình.
Thượng-Nguyên, Mỹ-Lộc (2 huyện) hai thành,
So vào Nam-Trực, (huyện) Trực-Ninh tương đồng.
Xuân-Trường (phủ) Giao-Thủy (huyện) liền sông,
Đặt thêm Hải-Hậu (huyện) từ Đồng-Khánh gian.
Nghĩa-Hưng phủ lý Đại-An (huyện),
Ý-Yên, Vụ-Bản lại bàn Phong-Doanh (3 huyện).
Cau tươi, dưới, cải ngon lành,
Thuốc lão, chuối ngự ra hình lắm thay.

Quần-Anh (*dắt*) lựa tốt mà dầy,
Thợ sơn Vụ-Bản (*huyện*) ấy này khéo sao.
Ngòi-Sơn rẫy núi dầu nào,
Phi-Lai chùa núi đã vào có danh.
Hoàng-giang chảy xuống Phong-Doanh,
Hợp cùng sông Hát đồ quanh Ninh-Bình.
Ngọn thời đến phủ Xuân thành
Đường ra Ba-Lại (*cửa bể*) đường quanh Ninh-Bình.



TỈNH NINH-BÌNH

Ninh-Bình trăm lại chín linh,
Hoa-Lư thành ấy từ Đỉnh kia mà.
Mạc lắm ngoại trấn Thanh-Hoa.
Gia-Long đặt đạo dời ra Thanh-Bình
Ninh-Bình sau lại cải danh,
Đặt làm một tỉnh từ Minh-Mệnh này.
Phủ là Yên-Khánh gần đây,
Đặt thêm Gia-Khánh mới ngày năm kia.
(Năm Thành-Thái thứ mười bảy)
Yên-Mô, Gia-Viễn *(hai huyện)* liền kề,
Giáp gần mặt bể kia kia Kim-Sơn *(huyện)*.
Phụng-Hóa *(huyện)* là phủ Nho-Quan
Còn như Yên-Hóa *(huyện)* lâm loan bốn bề.
Đạo-đường Phát-Diệm *(đất)* dâu bì.
Làm ra bằng đá chỉnh-lề sinh ghê.

Dưới, cau, và lại cà-phê,
Này này cam, cúc, Đam-Khê (dất) lạ lùng.
Mỏ than Tân-Nhuận (dất) đủ dùng,
Chiếu hoa Phát-Diệm (dất) lại Bùng-Hời (làng) đây.
Núi thời Địch-Lộng lạ thay,
Hạc, Diên, Dục-Thủy (ba núi) xưa nay tiếng đồn.
Hoa-Lư Bích Động, Thiên-Thôn (hai núi),
Nhà Minh Cổ-Lộng (1) thành còn ở đây.
Sông Vân, sông Gián, sông Đài,
Đổ về Phát-Diệm cửa Đài thuận lưu.



g nghĩa là lúc nhà Minh sang cướp nước ta đắp
thành Co-Lộng để cố thủ.

CA TÙNG TỈNH MỘT XỨ TRUNG-KỲ

CA TỪNG TỈNH MỘT XỨ TRUNG-KỲ

TỈNH THANH-HÓA

Tỉnh Thanh là đất Ai-Châu,
Cửu-Chân tên ấy đã lâu đó mà.
Thanh-Đô, Hồ mới đổi ra,
Lê làm Thanh-Hóa, gọi là xứ Thanh.
Gia-Long Thanh-Nội cải danh,
Đặt ra làm tỉnh đời Minh-Mệnh này.
Đổi tên Thanh-Hóa đến nay,
Từ đời Thiệu-Trị mới ngày kỷ nguyên,
Phủ Thiệu-Hóa, huyện Thụy-Nguyên,
Đông-Sơn, An-Định (2 *huyện*) đất liền một nơi.
Quảng-Hóa (*phủ*) Cẩm-Thủy (*huyện*) bên ngoài,
Thạch-Thành, Quảng-Tế (2 *huyện*) đôi nơi sát vào.

Tổng-Sơn (huyện) Hoằng-Hóa (huyện) làm sao,
Nga-Sơn, Hậu-Lộc (2 huyện) ấy nào Hà-Trung (phủ)

Ngọc-Sơn (huyện) Nông-Cống (huyện) một vùng,
Quảng-Xương phủ Tĩnh đất cùng sương da.

Châu-Quan, Lương-Chính (châu) ở xa,
Thái-Xương, Xâm-Tử (2 huyện) phủ là Thái-Xuân.

Trấn-Biên thành cũ nước Chân (nước Chân-Lạp),
Đến đời Minh-Mệnh mở dần ra đây.

Sản thời đá, gỗ, lim, mây,
Bông, tơ, sấm, quế tỉnh này hữu danh.

Hồ-Công động ở Lục-Thành (làng),
Rượu-San (núi) Biện-Hạ (làng) Bằng-Trình (núi)
Thụy-Nguyên. (làng)

Bàn-Sa (núi) Đại-Khánh (làng) một miền,
Đá bia Yên-Hoạch (làng) tương truyền đã lâu.

Vân-Nham (núi) Từ-Thức (động) ở đâu.
Huyền-Tiêm (núi) Bạch-Á (núi) địa đầu Nga-Sơn
(huyện)

Còn như Tam-Điệp (núi) Tổng-Sơn (huyện),
Núi to kể đã là hơn một vùng.

Sông Lương bốn huyện chảy thông,
Sông Chu nguồn nước hợp cùng Mã-giang.



TỈNH NGHỆ-AN

Nghệ-An nước cũ Việt-Thường,
Châu Hoan, châu Diễn từ Lương kia mà.
Nghệ-An đời Lý dẫu xa,
Nhật-Nam, Trung, Bắc chia ra bốn đường.
Lâm-An và trấn Vọng-Giang.
Nhà Hồ mấy độ sửa sang đất này.
Kể từ đặt tỉnh đến nay,
Đương đời Minh-Mệnh năm rày mười hai.
Anh-Sơn phủ ấy cũng giải,
Nam-Đàn, Chân-Lộc bên ngoài Thanh-Chương
(3 huyện).
Hưng-Nguyên (huyện) cũng ở một phương,
Đã qua bốn huyện lại Lương-Sơn (huyện) này.
Đông-Thành (huyện) phủ Diễn dẫu đây,
Yên-Thành (huyện) cũng đó đây này Quỳnh-Lưu
(huyện)

Nghĩa-Đàn về phủ Qùy-Châu,
Quế-Phong (*huyện*) xem cũng như màu Thúi-Vân
(*huyện*).

Tương-Dương (*phủ*) cũ gọi Tứ-Lân,
Vĩnh-Hòa (*huyện*) thống hạt ở gần Hội-Nguyên
(*huyện*).

Kỳ-Sơn (*huyện*) xưa cũng đường liền,
Trấn-Ninh phủ ấy về miền thổ dân.

Sản thời mặt bể kề gần,
Yến sào, muối, mắm, đồ ăn cần dùng.

Vai, lon, kiệu, bễ, đúc đồng,
Mâm nôi đồ vật nhất vùng Nam-Kinh.

Sắt chai, mỏ sắt, chè xanh,
Sâm non, bông tốt, lim xanh, cũng đầy.

Bãi dâu đất lẫn hến chai,
Núi dâu Mộ-Dạ về nơi Đông-Thành.

Hưng-Nguyên (*huyện*) núi sắt hữu danh,
Lương-Sơn (*huyện*) Thiên-Nhận (*núi*) Thu-Tĩnh
(*núi*) lạ lùng.

Nam-Đàn (*huyện*) hai núi Sài, Hùng,
Đá kia sao có vợ chồng lạ thay.

Sông Lam ba ngọn tuôn đầy,
Nghệ, Thanh phân giới ấy này Ngâm-Kê (*đất*).

Cần, Quần cửa bể liền kề,
Hiền, Đài cửa ấy hai bờ núi cao.



TỈNH HÀ-TĨNH

Đặt thêm Hà-Tĩnh năm nào,
Mới cùng tỉnh Nghệ khi nao đó mà.
Kỷ-nguyên Thiệu-Trị vua ta,
Sáp thêm hai phủ (*Lạc-Biên, Trấn Tĩnh*) đất là thổ
man.

Phủ Đức-Thọ huyện La-San,
Nghì-Xuân, Can-Lộc, Hương-San mấy thành (*3 huyện*).
Thạch-Hà (*huyện*) về phủ Hà-Thanh.
Cầm-Xuyên liền với Kỳ-Anh (*2 huyện*) đấy mà.
Lạc-Biên, Trấn-Tĩnh (*hai phủ*) xa xa,
Thổ-nghì đâu cũng như là Nghệ-An.

Long-Ngâm, Dũng-Quyết, Hồng-San (*3 núi*),
Nghì-Xuân, Can-Lộc chỉ dân đâu nào.

Thiên-Cầm, Bản-Độ (*2 núi*) làm sao,
Kỳ-Anh huyện ấy đã vào hữu danh.

Sông La giòng nước quấn quanh,
Chảy về Nam-Ngan (*làng*) đổ ngành sông Lam.

Xuất-Môn (*núi*) có đá sầm nham,
Cương-Gian, Hội-Thống lại Nam-La này (*3 núi*).

TỈNH QUẢNG-BÌNH

Quảng-Bình, Địa-Lý là đây,
Bình Chiêm, Lý mới đổi ngay Lâm-Bình.
Tân-Bình, Tiên-Bình, Quảng-Bình,
Mười ba Minh-Mệnh chuyên thành từ đây.
Phong-Lộc, Phong-Phú (2 huyện) cũng vậy,
Huyện kia Lệ-Thủy phủ này Quảng-Ninh.
Tuyên-Chính, Tuyên-Hóa hai thành,
Phủ là Quảng-Trạch chung quanh đất liền.
Bố-Trạch, Bình-Chính (hai huyện) một miền,
Trước là Bố-Chính đổi tên đó mà.
Trầm hương, thồ sản sinh ra,
Sừng hươu, cá mực lại và bố sâm.
Hoành-Sơn một giải thâm lâm,
Thần-Đỉnh (núi) mặt Bắc lưng nằm về Nam.
Linh-giang nguồn phát hữu tam,
Còn như Hạc-hải kể làm lạ thay.

TỈNH QUẢNG-TRỊ

Hóa-châu Quảng-Trị cũng đây,
Lý triều mở đất những ngày thừa xưa.

Tỉnh từ Minh-Mệnh đời vua,
Minh-Linh huyện ấy bây giờ Do-Linh.

Hải-Lăng với lại Vĩnh-Linh (*hai huyện*).
Thuận-Xương (*huyện*) cũng thuộc phủ thành Triệu-
Phong.

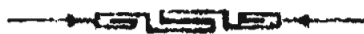
Pủ Cam-Lộ giáp bề Đông,
Huyện là Hương-Hóa và cùng thổ dân.

Mường Vinh, mừng Bồng, Làng-thần,
Này này Thượng-Kế, Nga-Phần (*hai đất*) ở dâu.

Á-Bang, Xương-Thịnh gần nhau (*hai châu*),
Ba-Lan (*châu*) rồi lại đến châu Tần-Bồn.

Bề thời Bắc-Việt hải môn,
Hai bên nhón nhỏ bãi cồn tràng xa.

Đất thời núi bề bao la,
Xứng hươu, cánh kiến, lại và trầm hương.



TỈNH THỪA-THIÊN PHÚ-XUÂN

Phú-Xuân Ô-Lý, đất Mường,
Hoành-Sơn một giải mở mang dần dần.
Đổi ra Thuận-Hóa từ Trần,
Đời vua Hiếu-Nghĩa Phú-Xuân đắp thành.
Thừa-Thiên là chốn đế-kinh.
Hương-Trà, Hương-Thủy, Phú-Vinh, Quảng-Điền
(4 huyện).
Phong-Điền, Phú-Lộc (2 huyện) gần liền,
Chinh như xứ Huế cũng phiên-hoa thay.
Đông-Ba, Gia-Hội (2 phố) đầu tây,
Người thanh của lịch sum bầy vật hoa.
Giấy dừa, giấy tiếu, đồ ngà,
Cau khó, thuốc lá, ấy là thổ-nghi.
Ngự-Bình, Hương-Uyển, núi Quy (3 núi),
Hải-Vân (núi) cao ngất đường đi hiểm nghèo.
Hương-giang đầy nước trong veo,
Linh-giang sâu thẳm lại chiều rộng khơi.

TỈNH QUẢNG-NAM

Quảng-Nam Cồ-Lũy là nơi,
Chiêm-Thành (*nước*) xưa ở từ ngoài Hải-Vân.
Nhà Hồ mở đất thực-dân,
Thăng-Hoa châu ấy là phần sơn-lam.
Gia-Long dinh gọi Quảng-Nam,
Tĩnh từ Minh-Mệnh thập tam đó mà.
Đến năm Đồng-Khánh thứ ba,
Đất nhường Đà-Nẵng ấy là Tu-Ran. (*Tourane*)
Rất xa thời phủ Điện-Bàn,
Duy-Xuyên, Diên-khánh cùng miền Hòa-Vinh (*ba huyện*)
Tam-Kỳ phủ với Điện-Bình (*phủ*)
Lệ-Dương, Đức-Phổ lại thành Hà-Đông (*3 huyện*).
Mỏ vàng, bạc, kẽm, sắt, đồng,
Yến sào, cau, thuốc lại cùng quế quan.

Tào-san với Ngũ-Hàn-san,
Trà-san ở cạnh cửa Hàn cũng cao.
Còn sông Sài-Thị làm sao,
Đã dành Cầm-Lệ lại nào Bản-Giang (2 sông).
Nhờ quan tổng-dốc họ Hoàng (Hoàng-Diệu).
Tháng ba Nhâm-Ngọ tiếng vang trung thần.



TỈNH QUẢNG-NGÃI

Tỉnh Quảng-Ngãi kể cũng gần,
Hồ rằng Tư-Nghĩa là phần đất đây.
Gia-Long Quảng-Ngãi đổi thay,
Tỉnh thời Minh-Mệnh năm rầy mười ba.
Có khi Nam-Trực đổi ra,
Nay rằng Quảng-Ngãi vẫn là cựu danh.
Phủ Tư-Nghĩa thống bốn thành,
Đã Trương-Mỹ dò lại Bình-Sơn kia (2 huyện.)
Huyện là Sơn-Tĩnh mới chia,
Còn như Mộ-Đức (huyện) kia kia đâu xa.
Yến-sào ở bãi Hoàng-Xa.
Hải-xâm, đại-mại, văn-loa cũng nhiều.
Gạo thơm, đậu-khấu, hồ-tiêu,
Quế, sâm, gỗ trắc, ra chiều lắm thay.
Nhai-giang, Trà-Khúc ở đây (2 sông),
Lại còn Chu-Tử ấy này sông to.

TỈNH BÌNH-ĐỊNH

Mở ra Bình-Định từ Hồ,
Hoài-Nhân đặt phủ bấy giờ bao xa.
Quy-Nhơn triều chúa Nguyễn ta,
Trấn là Bình-Định mới Gia-Lông này.
Tỉnh từ Minh-Mệnh những ngày,
Phủ thời lại gọi tên này Hoài-Nhân.
Bồng-Sơn, Tuy-Viễn (2 huyện) cũng gần,
Còn như Quy-Phúc mới phân đó mà.
Yên-Nhân phủ ấy đâu xa,
Phù-Cát, Phù-Mỹ (2 huyện) trước là Phù-Ly.
Chiêm-Thành lũy cũ còn chi,
Nghĩ ra mới biết hưng suy cũng kỳ.
Xa hoa, nón dứa, trầm, kỳ,
Hạt huyền, ngọc thạch thổ nghi cũng nhiều.
Mỏ thời mỏ sắt diêm-tiêu,
Lại-Dương sông ấy ra chiều rộng thay.
Còn sông ba huyện ở đây,
Nhiệt-Đàm nước nóng ấy này Đông-Yên.



TỈNH PHÚ-YÊN

Phú-Yên đất cũ Nam-Bàn,
Triết-vương mở được một làn Phan-Lang (đất)
Bấy giờ làm chấn Bình-Khang,
Phú-Yên dinh đến Cao-Hoàng đặt tên.
Tỉnh từ Minh-Mệnh kỷ-niên,
Sẻ ra hai phủ về bên Khánh-Hòa.
Huyện Đồng-Xuân, phủ Tuy-Hòa,
Tuy-An phủ ấy là ba đó mà.
Trầm, kỳ, cây gió, sa hoa,
Chiên cồ, ngựa tốt thực là thổ-nghi.
Núi thời Đại-Lĩnh, Thạch-Bi,
Còn sông Đà-Diên rộng thì mênh mang.



TỈNH KHÁNH-HÒA

Khánh-Hòa cũng gọi Nha-Trang,
Xưa rằng Diên-Khánh, Bình-Khang kia là.
Gia-Long mới đổi Khánh-Hòa,
Tân-Định, Quảng-Phúc, Ninh-Hòa phủ đây.
Kìa như Diên-Khánh phủ này,
Phúc-Điền (*huyện*) đặt lại cùng ngày Vĩnh-Xương
(*huyện*).
Kỳ-nam, đậu-khẩu, trầm hương,
Lộc nhung, tê-giác khác nhường xa-nhân.
Yến sào hải bễ Cù huân,
San-hô, đại-mại, kỳ trân thiếu gì.
Sà-cừ và lại ma bỳ,
Nhiều, chừu, lĩnh, lựa, kể thì biết bao.
Tam-Phong núi ấy rất cao,
Đại-An (*núi*) trăm dặm cũng vào bọc hơn.
Vĩnh-An sông có bốn nguồn,
Còn sông Phú-Lộc chảy tuôn ba đường.



TỈNH BÌNH-THUẬN

Đất Chiêm Bình-Thuận mơ mang,
Mới từ khi Hiếu-Nghĩa vương nối đời.
Phủ rằng Bình-Thuận là nơi,
Phan-Lan, Phan-Thiết, Phổ-Hời, Ma-Ly (4 đất).
Đến đời Minh-Mệnh trị vì,
Đặt ra làm tỉnh bỏ đi bốn đường.
Phủ Hàm-Thuận là Phan-Lang,
Hòa-Đa, Tuy-Định (2 huyện) một phương đầy mà.
Tuy-Phong, An-Phúc (2 huyện) chia ra,
Tuy-Lý, Ninh-Thuận (2 huyện) cũng là đất đây.
Tương-Duyên chải mấy lâu nay,
Đạo chia Ninh-Thuận mới ngày năm nao.
Trầm, kỳ, đại-mại, diêm-tiêu,
Tượng nha, văn cấp, yến sào, sừng tê.
Nước mắm Phan-Thiết ngon ghê,
Trâu rừng Tuy-Định có bề nhiều thay.

Cầm-văn gỗ ấy đầu tây,
Và cùng cây gió ấy này Hòa-Đa (đất).
Núi thời Hương-Ấn, Bạch-Xa,
Lòn như Hỏa-Diệm (núi) ấy là Tuy-Phong. (huyện)
Quanh co Duyên-Chủ (núi) chín vòng,
Vước hen chầy siết là vùng bề đây.
Mai-Lang sông cũng giải thay,
Thổ Hời đã vậy đây này Kỳ-Xuyên (sông).



CA TÙNG TỈNH MỘT XỨ NAM-KỲ

CA TỪNG TỈNH MỘT SỬ NAM-KỲ

TỈNH BIÊN-HÒA

Nam-Kỳ sáu tỉnh tương liên,
Cổ, Thủy-Chân-Lạp, Cao-Miên lại hàng.
Ngày xưa Triết, Tĩnh nhị vương,
Chia làm bốn phủ viễn phương rành rành.

Thích nghĩa. — Bốn câu ấy nói tóm cả sáu tỉnh, đời nhà Lê chúa Nguyễn là Hiếu-Triết, Hiếu-Tĩnh vào trấn thủ trong Huế; nước Cao-Miên lại hàng mới có đất sáu tỉnh này. Cao-Miến chia làm hai bộ: Thủy-Chân-Lạp tức là đất Lục-tĩnh, Lục-Chân-Lạp tức là đất Cao-Miên bây giờ.

Đời Gia-Long đổi Trấn-Thành,
Đến đời Minh-Mệnh gọi danh Biên-Hòa.


Từ khi cắt đứt cầu hòa,
Mới năm Tự-Đức mười ba đến rầy.
Thuộc về Đại-Pháp những ngày,
Chia làm hai tỉnh đặt bầy thêm ra.
Bà-Rịa (*tỉnh*) bầy tổng bao la,
Thủ-Đầu (*Thủ-dầu-một*) thập nhị lại là nhơn hơn.
Biên-Hòa tỉnh cũ chu toàn,
Còn mười sáu tổng sở biên bây giờ.
Người ta, người Mọi tạp cư,
Sản thời đá quý, diêm, ngư, cau, đường.
Gạo, ngô, đậu phụng (*củ lạc*) đã thường,
Quả ngon cây tốt một phương cũng nhiều.



TỈNH GIA-ĐÌNH

Gia-Định là đất phú nhiều.
Gia-Long mới đặt tên kêu Trấn-Thành.
Minh-Mệnh mới cải kim danh,
Thuộc về Đại-Pháp kinh doanh rất cần.
Cũ mười tám tổng không phân,
Còn phân ba tỉnh ba phần đặt thêm.
Chợ-Lớn tổng kể thập tam,
Tây-Ninh (*lĩnh*) mười tổng thực làm bọc trung.
Bốn tổng là tỉnh Gò-Công,
Thồ-nghi các tỉnh ở trong thiếu gì.
Cát căn, thuốc lá, cà-phê,
Mía tươi, đậu phụng, lại bề lâm loạn.
Gia-Định có đất Saigon,
Là thành phố nhơn dể còn dâu hơn.

Dinh tòa cục xưởng chan chan,
Dưới tàu trên phố tương liên thành hàng.
Hỏa-xa chạy khắp mọi đường,
Tàu buôn ngoại-quốc thường thường vào ra.
Lại còn Chợ-Lớn bao xa,
Kể nơi thành phố cũng là vui sao.
Người buôn các nước rất nhiều,
Nhất là người Khách ra chiều lắm thay.
Tình cả hai thành phố này,
Hải-Phòng, Hà-Nội sánh tầy kém chi.



TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG

Định-Tường tên tỉnh cũ kia,
Từ đời Minh-Mệnh mới chia đó mà.
Bây giờ Đại-Pháp đặt ra,
Mỹ-Tho tên mới cùng là Tân-An.
Mỹ-Tho năm tổng giang san,
Tân-An mười tổng ở liền một phương.
Sản thời gạo, cá đã thường,
Lại nhiều cối chiếu ở làng Mộc-Hoa.

TỈNH VĨNH-LONG

Vĩnh-Long đất ở duyên hà,
Nguyên xưa tên trấn gọi là Định-Cương,
Đến đời Minh-Mệnh xử sang,
Ba phủ bảy huyện mở mang lâu ngày.
Đã vào thuộc-địa đến rầy,
Đặt thêm ba tỉnh từ ngày nào kia.
Vĩnh-Long cũ tổng mười ba,
Bến-Tre hai một thực là nhón thay.
Trà-Vinh tổng kê hai mươi,
Sa-Đéc tổng chỉ có mười bé hơn.
Bến-Tre tiếp giáp hải-môn,
Mê-Kông hà-khẩu chảy luôn đêm ngày.
Bao-Khanh (*làng*) thường có bọn người,
Bề sâu lặn kiếm hạt trai đem về.
Cau, dừa, khoai, đậu, thổ-nghi,
Trái cây lại lắm trôn kỳ ngon sao.


TỈNH AN-GIANG

An-Giang tỉnh cũ thế nào,
Đương đời Minh-Mệnh vẫn vào bản-chương.
Từ về Đại-Pháp sửa sang,
Đặt làm bốn tỉnh mở mang ngày càng.
Châu-Đốc vói lại Sóc-Trang,
Đất cùng mười tổng hai phương gần liền.
Tám tổng là tỉnh Long-Xuyên,
Cần-Thơ chín tổng gần miền Hậu-giang.
Mấy tỉnh kênh lệch giọc ngang,
Ni-Cô, Vĩnh-Tế lại đường Trà-Ôn.
Các đồ thổ sản gì hơn,
Gạo, ngô, đậu, mía, chan chan thường dùng.
Tầm tơ đồ sứ sập ong,
Cả khô nước mắm nhất trong Nam-kỳ.



TỈNH HÀ-TIÊN

Hà-Tiên xa cuối biên—thùy,
Ba bề đất cạn một bề bể sâu.
Thuộc vào Đại-Pháp về sau,
Đặt thêm hai tỉnh ai hầu biết chẳng.
Bắc-Liên năm tổng thực rằng,
Còn như Rạch-giá tổng chừng sáu thôi.
Tiêm-La-loan giáp tới nơi,
Rời ra đất đỏ hẳn khai phụ đầu.
Hà-Tiên bốn tổng nhỏ sao,
Đảo nao Phú-Quốc lạch nao Giang-Thành.
Hồ tiêu, nước mắt ngon lành,
Gạo, đường, sắn, muối nổi danh thực là.



MẤY CÂU NÓI TÓM SÁU TỈNH

Hợp trong các tỉnh xem ra,
Lòng sông mặt bể biết là bao nhiêu.
Lại còn kênh lạch cũng nhiều,
Tàu bè nhón bé ra vào tiện thay.
Tỉnh anh địa sản nhiều đầy,
Đất hồi bãi bể càng ngày càng thêm.
Cao-Hoàng từ lúc sang Xiêm,
Đến sau mở nước cũng tiềm tàng đây.
Tỉnh ngoài năm chục năm nay,
Tang thương trong cuộc đổi thay ngày càng.
Tò toe kèn hiệu tiếng vang,
Tam tài gió phát rõ ràng cờ kia.
Người khen đệ nhị Paris,
Lạc-Hồng thói cũ nhớ gì nữa không.
Côn-Lôn ngoài bể mênh mông,
Đề đầy người tội ở vùng đảo xa.



MẤY CÂU NÓI TÓM CẢ NƯỚC

MẤY CÂU NÓI TÓM CẢ NƯỚC

Tóm bản địa-thể nước ta,
Thiên thư định phận sinh ra rất kỳ.
Phân mao (1) rầy núi chạy đi,
Cùng liền một giải hình thì giải cong.
Trung-Kỳ hẹp thắt lưng ong,
Hai đầu Nam Bắc càng vùng rộng ra.
Có người nói vì nước ta,
Một đòn đôi thùng thực là không sai.
Đời xưa chia giữ từng nơi,
Bắc thời Đại-Việt, Nam thời Lạp, Chiêm.

(1) Phân mao : ở Bắc-Kỳ mấy tỉnh, có dãy núi giáp giới -mấy Tàu, cổ mọc một nửa thì rũ về bên ta, một nửa rũ về bên Tàu. Câu «Phân mao cổ rũ» là nghĩa thế.

Đinh, Lê đến mãi thời kim,
Mới mừng thống nhất không hiểm chia tan.
Tốt thay cầm tù hà san,
Mở mang khó nhọc bốn ngàn năm nay.
Ba kỳ đất tốt của đây,
Người khôn mới được càng ngày càng hay.
Dân ta ở khắp các nơi,
Ngồi nhìn cổ-thò cảm hoài siết bao.
Trước thế nào, nay thế nào,
Quốc âm mượn bút diễn vào mấy câu,
Người không nghĩ trước nghĩ sau,
Tịch-Đàm (1) quên tổ nghìn thâu đề cười.
Quốc-dân ôi, quốc-dân ôi,
Hợp quần ta phải tài bồi hơn xưa.
San hà phận định thiên thư,
Con Hồng cháu Lạc tưng cư đời đời.



CHUNG

(1) Tịch-Đàm người đời Xuân-Thu, đi sứ sang nước khác, người ta nói đến tổ tích mình thì Tịch-Đàm quên mất.

MỤC LỤC

	Trang
Mục lục các tỉnh	7
Mấy câu ca toàn thể cả nước	11
<i>Ca từng tỉnh một xir Bắc-kỳ :</i>	
Thành phố Hanoi	15
Tỉnh Hà-Đông	18
Đạo Hà-Giang	20
Đạo Cao-Bằng	22
Tỉnh Lao-Kay	23
Tỉnh Yên-Báy	24
Đạo Hải-Ninh	25
Tỉnh Lạng-Sơn	26
Tỉnh Bắc-Kạn	28
Tỉnh Thái-Nguyên	29
Tỉnh Tuyên-Quang	30
Tỉnh Sơn-La	31
Tỉnh Hòa-Bình	32
Tỉnh Phú-Thọ	33
Tỉnh Sơn-Tây	35
Tỉnh Vĩnh-An	37
Tỉnh Phúc-An	38
Tỉnh Bắc-Ninh	39
Tỉnh Bắc-Giang	41
Tỉnh Quảng-Yên	42
Thành phố Hải-Phòng	43
Tỉnh Hải-Dương	45
Tỉnh Thái-Bình	47
Tỉnh Hưng-Yên	49
Tỉnh Hà-Nam	51
Tỉnh Nam-Định	52
Tỉnh Ninh-Bình	54